

Vương quốc Champa

này, vì không đủ tiềm năng để kiểm soát quá nhiều thuộc địa cũng như việc duy trì an ninh trên lãnh thổ quá rộng lớn này. Đó cũng là nguyên nhân có thể giải thích một phần nào lý do tại sao Campuchia tự động rút quân ra khỏi Champa vào năm 1220, nhưng lúc nào cũng tìm cách duy trì uy quyền của mình tại Champa bằng cách giao cho hoàng tử thuộc dòng hoàng tộc Ansaraja đã từng sinh trưởng trong triều Angkor, quyền cai trị Champa với niềm hy vọng rằng Campuchia vẫn tiếp tục giữ một vai trò ảnh hưởng trên bàn cờ chính trị tại quốc gia này.

Lên ngôi vào năm 1226, hoàng tử dòng Ansaraja lấy vương hiệu là Jaya Paramesvaravarman II. Trong suốt những năm trị vì, ông ta trùng tu lại các di tích đền đài bị tàn phá bởi chiến tranh dưới thời đô hộ của Campuchia. Jaya Paramesvaravarman II cũng là vị vua có một chính sách rất ưu đãi đối với tiểu vương quốc Panduranga ở miền nam nơi mà ông ta đã để lại hầu như toàn bộ bia ký nói về cuộc đời của ông. Sau ngày từ trần mà người ta không biết rõ ngày tháng, người em của ông lên nối ngôi, có thể vào khoảng giữa năm 1230 và 1243, lấy danh hiệu là Jaya Indravarman VI.

Champa vào đệ nhị bán thế kỷ XIII

Sau ngày lên ngôi, Jaya Indravarman VI đã thực hiện nhiều công trình xây dựng tại Mỹ Sơn, nhưng lại gặp

phải bao cuộc vùng dậy tại Panduranga mà ông ta phải cử một người cháu tên là hoàng tử Harideva dẫn đoàn quân sang miền nam dẹp loạn vào năm 1249. Thêm vào đó, ông ta không ngừng đương đầu với một triều đại mới của Đại Việt, đó là nhà Trần vừa mới lên thay thế nhà Lý vào năm 1225.

Ai cũng biết, Champa là quốc gia thường gia tăng các cuộc đánh phá tàu bè trên bờ biển của Bắc Việt và vùng châu thổ sông Hồng. Đã mấy lần, vua Trần Thái Tông yêu cầu vương quốc này phải ngưng các cuộc đột kích đó. Vua Champa đáp lời bằng việc yêu cầu nhà Trần phải trả lại các phần đất đai phía bắc của Champa đã bị chiếm đóng vào năm 1069. Trước sự trả lời khiêu khích này, vua Trần Thái Tông đích thân dẫn một đoàn quân chinh phạt Champa vào năm 1252, tịch thu rất nhiều của cải, bó buộc vương quốc này phải phục tùng và chấp nhận triều cống như một nước “chư hầu” của Đại Việt. Năm năm sau, tức là 1257, Jaya Indravarman VI bị ám sát bởi người cháu của ngài tên là Harideva (*Yuanchi*, XX, 55a). Sau vụ án thành công, Harideva lên nắm chính quyền, gửi đồ vật sang triều cống Đại Việt vào năm 1262 và dẫn đoàn quân để phá tan sự vùng dậy của Panduranga vào năm 1265, sau đó ông được tấn phong lên làm vua Champa năm 1266 với vương hiệu là Indravarman V. Năm 1277, Panduranga lại tiếp tục vùng dậy nữa. Vừa đánh dẹp xong cuộc phiến loạn này, vua Indravarman V nhận lệnh

Vương quốc Champa

phải đi trình diện trước mặt thủ lĩnh của Mông Cổ tên là Kubilai Khan vào năm 1278 để dâng cống lễ vật của một nước chư hầu như ông ta đã từng thi hành đối với triều đại nhà Tống của Trung Hoa trước kia. Cũng nhờ chiến lược trì hoãn thi hành mệnh lệnh và bày tỏ lòng trung thành của mình bằng cách gửi các phái đoàn và nhiều lễ vật sang Mông Cổ, vua Indravarman V đã tránh được những yêu sách của Kubilai Khan cho đến năm 1281. Vì không chờ đợi được nữa, Kubilai Khan cử hai vị sứ thần quan trọng đến Champa để áp đặt nền hành chính Mông Cổ tại vương quốc này. Nếu vua Indravarman V tỏ vẻ chấp nhận sự hiện diện của Mông Cổ trên lãnh thổ của mình, thì người con trai của ông tên là Harijit từ chối điều đó. Vào năm 1282 hoàng tử Harijit tổ chức một cuộc vùng dậy nhằm đánh đuổi các sứ thần Mông Cổ về nước. Để trả lời cho thái độ bất qui phục của hoàng tử Harijit, Kubilai Khan quyết định biến Champa thành một thuộc địa của Mông Cổ bằng cách xua quân tấn công vương quốc này bằng đường biển và đường bộ từ tháng chạp 1282 cho đến tháng giêng 1283. Sau khi thủ đô Vijaya lọt vào tay quân Mông Cổ, Indravarman V cùng với con trai chạy lên vùng Tây Nguyên để lập chiến khu. Nhờ sự hỗ trợ của dân cư miền núi, Indravarman V cầm cự chống quân ngoại xâm kéo dài cho đến năm 1285, năm mà nhà du hành Tây Phương tên là Marco Polo có mặt tại Champa. Cũng vào năm 1285 này, Mông Cổ rút quân ra khỏi Champa để tấn

công Đại Việt, nhưng bị đẩy lui bởi lực lượng quân sự của vua Trần Nhân Tông vừa mới lên ngôi vào năm 1278. Kể từ đó, Champa đã thoát ra khỏi mối đe dọa của Mông Cổ. Tuy nhiên, sự xâm chiếm trong vòng hai năm của quân Mông Cổ đã làm suy yếu tiềm năng Champa một cách mãnh liệt, một vương quốc vừa mới tìm ra lối thoát sau 75 năm chiến tranh liên tục với Campuchia. Cuộc chiến chống quân Mông Cổ càng tàn phá Champa nhanh hơn, vì lúc đó nền văn hóa Phạn ngữ bắt đầu suy sụp (năm 1253 đánh dấu bia ký cuối cùng bằng Phạn ngữ tại Champa) kéo theo sự phai mờ dần dần triết lý Ấn Giáo và Phật Giáo đại thừa mà Champa thường dựa vào đó để làm cơ sở cho các hệ thống tổ chức chính trị và xã hội của mình.

Sau khi Indravarman V băng hà vào năm 1287, người con trai của ông ta là hoàng tử Harijit lên ngôi vua với danh hiệu Jaya simhavarman III (Chế Mân). Vị vua này là người có công xây dựng tháp Po Klaung Garai ở Phan Rang và ngôi đền Yang Prong ở cực bắc của Darlac (H. Parmentier, *Inventaire descriptif des monuments cămes de l'Annam*, tome I, Paris, Imprimerie Nationale, Ernest Leroux, 1909, trg. 81-95 và 557-559). Điều này đã chứng minh rằng dân cư khu vực Tây Nguyên thời đó nằm trong biên giới chính trị của vương quốc Champa. Jaya simhavarman III cũng là vị vua đã kết hôn với công chúa của vương quốc Java. Cuộc tình này càng làm tăng thêm

Vương quốc Champa

mối quan hệ thân thiện giữa gia đình hoàng tộc Champa và vương quốc Đa Đảo vào cuối thế kỷ XIII.

Bên cạnh công chúa của vương quốc Java, Jaya simhavarman III còn kết hôn với công chúa của Đại Việt. Sau khi thoái vị để nhường ngôi lại cho người con trai là Trần Anh Tông, vua cha Trần Nhân Tông hứa gả con gái của ông ta tên là Huyền Trân cho vua Chế Mân, tức là Jaya simhavarman III, vào năm 1301. Sự kiện này đã gây bao phản ứng trong triều đình và người dân Đại Việt thời đó. Chính vì thế, cuộc hôn nhân của công chúa Huyền Trân mà lịch sử Việt Nam thường nhắc đến, đã trải qua một cuộc thương thuyết lâu dài. Để được kết hôn với công chúa Huyền Trân, vua Jaya Simhavarman III đồng ý dâng cho Đại Việt hai châu Ô và Lý tức là phần đất nằm giữa đèo Lao Bảo và đèo Hải Vân (Quảng Trị và Thừa Thiên hiện nay). Đó cũng là nguyên nhân để giải thích tại sao hôn nhân này chỉ được cử hành vào năm 1306.

Việc quyết định dâng hiến lãnh thổ cho nước láng giềng vào năm 1069 đã chứng minh rằng giai cấp lãnh đạo dưới thời phong kiến Champa chỉ xem lãnh thổ quốc gia như một tài sản riêng tư của mình, hoàn toàn tùy thuộc vào ý muốn riêng tư của nhà vua. Chính vì thế, người ta không thể kết tội Đại Việt thời đó đã có ý định xâm chiếm đất đai Champa, bởi vì quốc gia này chỉ bắt đầu áp dụng chính sách đế quốc kể từ cuối thế kỷ XV hầu mở rộng bờ cõi về phía Nam. Như người ta đã thấy và còn thấy nữa về sau,

trước thế kỷ thứ XV, Đại Việt chỉ lợi dụng vào các cuộc chiến thắng quân sự nhằm buộc các nước thua trận phải chấp nhận làm chư hầu, nhưng chưa nghĩ đến việc xâm chiếm lãnh thổ của các quốc gia này.

Jaya Simhavarman III từ trần vào năm 1307, vì tuổi già. Vua Trần Anh Tông thừa cơ hội tìm cách đưa Huyền Trân về Thăng Long, nhưng vẫn tiếp tục chiếm giữ hai Châu Ô và Lý. Kể từ đó, núi Bạch Mã (Huế) trở thành ranh giới phía bắc của Champa. Thế là lãnh thổ Champa bị lọt vào tay của Đại Việt vào năm 1069 và năm 1306 chính là đất đai nguyên thủy của vương quốc Lin Yi (Lâm Ấp) thời trước.

Champa đối đầu với Đại Việt

Cũng vì không còn bia ký bàn về Champa kể từ cuối thế kỷ XIII, người ta không nắm vững cho lắm những chi tiết liên quan đến vương triều của người con trai lên ngôi thay thế vua Jaya Simhavarman III. Người ta cũng không biết danh xưng vương hiệu của các vị vua kế tiếp hay những yếu tố nhằm chứng minh rằng họ có được tấn phong lên làm thủ lĩnh Champa hay không. Do đó, người ta buộc phải gọi các vị vua nối ngôi thay thế Jaya Simhavarman III hay những vị vua kế tiếp khác bằng những tên gọi như Chế, Chi, v.v. mà các biên niên sử Việt Nam đặt ra mà thôi.